

Số: /STNMT-NKS

Lạng Sơn, ngày tháng 3 năm 2024

V/v hướng dẫn thực hiện các thủ tục
về tài nguyên và môi trường tại dự án
Nhà máy sản xuất gỗ viên nén sinh khối
và các sản phẩm khác từ gỗ và rừng trồng

Kính gửi: Công ty cổ phần sản xuất lâm sản Đình Lập
(Địa chỉ: thôn Bình Ca, xã Lâm Ca, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn).

Thực hiện Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án Nhà máy sản xuất gỗ viên nén sinh khối và các sản phẩm khác từ gỗ và rừng trồng (cấp lần đầu: ngày 07 tháng 02 năm 2024); theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 376/SKHĐT-QLĐTNNNS ngày 19/02/2024 về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao tại Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh. Trên cơ sở các quy định của pháp luật về tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn hướng dẫn Công ty cổ phần sản xuất lâm sản Đình Lập (gọi tắt là Nhà đầu tư), như sau:

1. Đối với lĩnh vực đất đai

Theo hồ sơ đề xuất dự án, nhà đầu tư đề xuất hình thức sử dụng đất thông qua nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân và thuê đất với Nhà nước theo quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013 và điểm 4, khoản 29, Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. Cụ thể:

1.1. Thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013.

Ngày 10/8/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Báo cáo số 522/BC-STNMT về kết quả kiểm tra, xem xét chấp thuận việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án dự án Nhà máy sản xuất gỗ viên nén sinh khối và các sản phẩm khác từ cây gỗ rừng trồng của Công ty Cổ phần sản xuất Lâm sản Đình Lập và được UBND tỉnh Lạng Sơn chấp thuận tại Công văn số 1096/UBND-KT ngày 17/8/2023. Đề nghị Nhà đầu tư và hộ gia đình, cá nhân chủ động thực hiện thủ tục nhận chuyển nhượng theo quy định.

Hồ sơ thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất được quy định tại khoản 2, Điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 được sửa đổi tại khoản 1, Điều 2 Thông tư 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, gồm có:

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định;
- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;
- Văn bản chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư;

Hồ sơ nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn (*Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn*) hoặc nộp theo hình thức trực tuyến tại cổng dịch vụ công trực tuyến và một cửa điện tử (<https://dichvucong.langson.gov.vn/>) để được xem xét giải quyết theo quy định.

1.2. Thủ tục thuê đất

Theo quy định tại điểm 4, khoản 29, Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ: “*Tổ chức kinh tế sử dụng đất do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để chuyển mục đích sử dụng sang thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp thì phải chuyển sang thuê đất và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật. Thời hạn thuê đất được xác định theo thời hạn của dự án đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 126 của Luật đất đai.*”

Theo đó, Nhà đầu tư lập hồ sơ thuê đất theo quy định tại khoản 1, Điều 3 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, Điều 1 Thông tư 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể:

“*1. Người xin giao đất, thuê đất nộp 01 bộ hồ sơ đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư gồm:*

- a) Đơn xin giao đất, cho thuê đất theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Bản sao giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư kèm theo bản thuyết minh dự án đầu tư”.

Hồ sơ nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn (*Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn*) hoặc nộp theo hình thức trực tuyến tại cổng dịch vụ công trực tuyến và một cửa điện tử (<https://dichvucong.langson.gov.vn/>) để được xem xét giải quyết theo quy định.

2. Đối với lĩnh vực Tài nguyên nước

Trong hồ sơ dự án Nhà máy sản xuất gỗ viên nén sinh khối và các sản phẩm khác từ gỗ và rừng trồng (sau đây gọi là dự án) do Công ty cổ phần sản xuất lâm sản Đình Lập làm Chủ dự án không thể hiện việc khai thác, sử dụng nguồn nước, tuy nhiên trong quá trình thực hiện dự án nêu trên nếu có phát sinh việc khai thác sử dụng nguồn nước mặt, nước dưới đất phục vụ cho dự án đề

ngợi Chủ dự án căn cứ các quy định của pháp luật về Tài nguyên nước để thực hiện việc lập hồ sơ khai thác, sử dụng nước tại dự án theo quy định, cụ thể:

2.1. Đối với việc thăm dò nước dưới đất

- Theo quy định tại khoản 1¹ Điều 52 Luật Tài nguyên nước, việc thăm dò nước dưới đất đối với công trình thăm dò nước dưới đất phục vụ khai thác nước từ 10m³/ngày đêm trở lên thuộc đối tượng phải có giấy phép thăm dò nước dưới đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Về thời điểm phải có giấy phép thăm dò nước dưới đất được quy định tại khoản 1² Điều 14 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Tài nguyên nước.

- Về thẩm quyền cấp giấy thăm dò được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP (*Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 3.000 m³/ngày đêm trở lên; Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 10 m³/ngày đêm trở lên đến dưới 3.000 m³/ngày đêm*).

- Trường hợp tại dự án có thực hiện thăm dò nước dưới đất (*công trình thăm dò nước dưới đất tại dự án có lưu lượng từ 10 m³/ngày đêm trở lên đến dưới 3.000 m³/ngày đêm*), đề nghị Chủ dự án lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại quầy số 05 thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn (*Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn*) hoặc nộp theo hình thức trực tuyến tại cổng dịch vụ công trực tuyến và một cửa điện tử (<https://dichvucong.langson.gov.vn/>) để được xem xét giải quyết theo quy định; thành phần hồ sơ, bao gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất (*thực hiện theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP*); (2) Đề án thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 200 m³/ngày đêm trở lên (*thực hiện theo mẫu số 21 ban hành kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP*); thiết kế giếng thăm dò đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm (*thực hiện theo mẫu số 22 ban hành kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP*).

- Trường hợp tại dự án có thực hiện thăm dò nước dưới đất (*công trình thăm dò nước dưới đất phục vụ khai thác nước tại dự án có lưu lượng từ 3.000 m³/ngày đêm trở lên*), đề nghị Chủ dự án lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xem xét giải quyết theo quy định; thành phần hồ sơ, bao gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất (*thực hiện theo mẫu số 01 ban hành*

¹ 1. Tổ chức, cá nhân thăm dò nước dưới đất phải có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

² 1. Trước khi xây dựng công trình khai thác nước dưới đất hoặc điều chỉnh tăng lưu lượng khai thác vượt quá 25% lưu lượng quy định trong giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đã cấp mà có khoan bổ sung giếng khai thác, chủ đầu tư phải thực hiện thăm dò để đánh giá trữ lượng, chất lượng, khả năng khai thác và phải có giấy phép thăm dò, trừ các trường hợp khai thác, sử dụng nước dưới đất không phải xin cấp phép.

kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP); (2) Đề án thăm dò nước dưới đất (thực hiện theo mẫu số 21 ban hành kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP).

2.2. Đối với việc khai thác, sử dụng nước dưới đất

- Theo quy định tại khoản 2³ Điều 52 Luật Tài nguyên nước, việc khai thác nước dưới đất (công trình khai thác nước dưới đất có lưu lượng từ 10 m³/ngày đêm trở lên) thuộc đối tượng phải có giấy phép khai thác nước dưới đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Thời điểm phải có giấy phép khai thác nước dưới đất được quy định tại khoản 3⁴ Điều 44 Luật Tài nguyên nước.

- Về thẩm quyền cấp giấy khai thác nước dưới đất được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP (Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 3.000 m³/ngày đêm trở lên; Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 10 m³/ngày đêm trở lên đến dưới 3.000 m³/ngày đêm).

- Trường hợp tại dự án có khai thác nước dưới đất (công trình khai thác nước dưới đất tại dự án có lưu lượng từ 10m³/ngày đêm trở lên đến dưới 3.000 m³/ngày đêm), đề nghị Chủ dự án lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại quầy số 05 thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn (Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn) hoặc nộp theo hình thức trực tuyến tại cổng dịch vụ công trực tuyến và một cửa điện tử (<https://dichvucong.langson.gov.vn/>) để được xem xét giải quyết theo quy định; thành phần hồ sơ, bao gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất (thực hiện theo mẫu số 03 ban hành Kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP); (2) Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất; (3) Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất kèm theo phương án khai thác đối với công trình có quy mô từ 200 m³/ngày đêm trở lên (thực hiện theo mẫu số 24 ban hành kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP) hoặc báo cáo kết quả thi công giếng khai thác đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm trong trường hợp chưa có công trình khai thác (thực hiện theo mẫu số 25 ban hành kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP) hoặc báo cáo hiện trạng khai thác đối với trường hợp công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động (thực hiện theo mẫu số 26 ban hành kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP); (4) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

- Trường hợp tại dự án có khai thác nước dưới đất (công trình khai thác nước dưới đất tại dự án có lưu lượng từ 3.000 m³/ngày đêm trở lên), đề nghị

³ 2. Tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất phải có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 44 của Luật này.

⁴ 3. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 73 của Luật này cấp giấy phép trước khi quyết định việc đầu tư.

Chủ dự án lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP, nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xem xét giải quyết theo quy định; thành phần hồ sơ, bao gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất (*thực hiện theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP*); (2) Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất; (3) Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất kèm theo phương án khai thác đối với công trình có quy mô từ 200 m³/ngày đêm trở lên (*thực hiện theo mẫu số 24 ban hành kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP*) hoặc báo cáo hiện trạng khai thác đối với trường hợp công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động (*thực hiện theo mẫu số 26 ban hành kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP*); (4) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

2.3. Đối với việc khai thác, sử dụng nước mặt

- Theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP, việc khai thác, sử dụng nước mặt (*công trình có lưu lượng khai thác trên 100 m³/ngày đêm*) thuộc đối tượng phải có giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Thời điểm phải có giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt được quy định tại khoản 3⁵ Điều 44 Luật Tài nguyên nước.

- Thẩm quyền cấp giấy khai thác, sử dụng nước mặt được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP (*Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng từ 50.000 m³/ngày đêm trở lên; UBND tỉnh Lạng Sơn cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng từ 100 m³/ngày đêm đến dưới 50.000 m³/ngày đêm*).

- Trường hợp tại dự án có khai thác, sử dụng nước mặt (*công trình khai thác, sử dụng nước mặt tại dự án có lưu lượng từ 100 m³/ngày đêm đến dưới 50.000 m³/ngày đêm*), đề nghị Chủ dự án lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại quầy số 05 thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn (*Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn*) hoặc nộp theo hình thức trực tuyến tại cổng dịch vụ công trực tuyến và một cửa điện tử (<https://dichvucong.langson.gov.vn/>) để được xem xét giải quyết theo quy định; thành phần hồ sơ, bao gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất (*thực hiện theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP*); (2) Đề án khai thác, sử dụng nước đối với trường hợp chưa có công trình khai thác (*thực hiện theo mẫu số 28 ban hành kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP*); báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước kèm theo quy

⁵ 3. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 73 của Luật này cấp giấy phép trước khi quyết định việc đầu tư.

trình vận hành đối với trường hợp đã có công trình khai thác (nếu thuộc trường hợp quy định phải có quy trình vận hành) (*thực hiện theo mẫu số 29 ban hành kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP*); (3) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá 03 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ; (4) Sơ đồ vị trí công trình khai thác nước.

- Trường hợp tại dự án có khai thác, sử dụng nước mặt (*công trình khai thác, sử dụng nước mặt tại dự án có lưu lượng từ 50.000 m³/ngày đêm trở lên*), đề nghị Chủ dự án lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP, nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử qua hệ thống công dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xem xét giải quyết theo quy định; thành phần hồ sơ, bao gồm: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất (*thực hiện theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP*); (2) Đề án khai thác, sử dụng nước đối với trường hợp chưa có công trình khai thác (*thực hiện theo mẫu số 28 ban hành kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP*); báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước kèm theo quy trình vận hành đối với trường hợp đã có công trình khai thác (nếu thuộc trường hợp quy định phải có quy trình vận hành) (*thực hiện theo mẫu số 29 ban hành kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP*); (3) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá 03 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ; (4) Sơ đồ vị trí công trình khai thác nước.

Ghi chú: Trường hợp chưa có công trình khai thác nước mặt, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải nộp trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

3. Đối với lĩnh vực Khoáng sản

Trong hồ sơ đề xuất dự án có thể hiện việc thi công xây dựng các hạng mục công trình (khai thác khối lượng đất đá gheñh dôi dư để tạo mặt bằng, để xây dựng các hạng mục của dự án...). Trước khi thực hiện việc san nền để phục vụ dự án nêu trên có phát sinh việc khai thác đất san lấp phục vụ việc san nền tại chỗ hoặc có phát sinh khối lượng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường dôi dư mang ra ngoài dự án, đề nghị Chủ đầu tư phải làm thủ tục cấp giấy phép khai thác khoáng sản hoặc đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, kế hoạch khai thác theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, cụ thể như sau:

3.1. Trường hợp trong quá trình triển khai thực hiện dự án có phát sinh việc khai thác đất san lấp phục vụ việc san nền tại chỗ

Theo quy định tại điểm a⁶ khoản 2 Điều 64 Luật Khoáng sản, Chủ dự án không phải thực hiện đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, tuy nhiên Chủ dự án phải thực hiện lập hồ sơ đề nghị đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác theo quy định trình UBND

⁶ 2. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không phải đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản trong các trường hợp sau đây:

a) Khai thác trong diện tích đất của dự án đầu tư xây dựng công trình đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó.

tỉnh Lạng Sơn xác nhận, đồng thời phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 3⁷ Điều 64 Luật Khoáng sản.

Đề nghị Chủ dự án lập hồ sơ đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP (lập thành 03 bộ), nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại quầy số 05 thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn (*Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn*) để được xem xét giải quyết theo quy định; thành phần hồ sơ, bao gồm: (1) Bản chính: Bản đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản; (2) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Bản vẽ quy hoạch tổng thể khu vực xây dựng dự án và quyết định phê duyệt dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3.2. Trường hợp trong quá trình triển khai thực hiện dự án có phát sinh khối lượng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường dồi dư mang ra ngoài dự án

Theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật Khoáng sản, Công ty phải thực hiện đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản mà không bắt buộc phải tiến hành thăm dò trình UBND tỉnh Lạng Sơn cấp giấy phép theo quy định.

Đề nghị Công ty lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Khoáng sản (lập thành 03 bộ), nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại quầy số 05 thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn (*Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn*) để được xem xét giải quyết theo quy định; thành phần hồ sơ, bao gồm: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình; (2) Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản; bản đồ quy hoạch tổng thể khu vực xây dựng dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (3) Thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình của dự án đã được Sở Xây dựng thẩm định, trong đó có khối lượng cần san gạt, vận chuyển đi nơi khác; (4) Dự án đầu tư kèm theo quyết định phê duyệt và bản sao giấy chứng nhận đầu tư; (5) Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Báo cáo đề xuất giấy phép môi trường của dự án kèm theo Giấy phép môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp; (6) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; (7) Văn bản xác nhận vốn chủ sở hữu theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 53 của Luật Khoáng sản.

4. Đối với lĩnh vực bảo vệ môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 429/STNMT-BVMT ngày 23/02/2024 hướng dẫn Chủ dự án thực hiện thủ tục môi trường tại dự án theo quy định. Đề nghị Chủ dự án chủ động nghiên cứu triển khai thực hiện.

⁷ 3. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường quy định tại điểm a khoản 2 Điều này phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn để Công ty cổ phần sản xuất lâm sản Đình Lập biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để B/c);
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng;
- UBND huyện Đình Lập;
- Lãnh đạo Sở;
- Chi cục Bảo vệ môi trường;
- Phòng Quản lý đất đai;
- Văn phòng đăng ký đất đai;
- Cán bộ đầu mối theo dõi;
- Lưu: VT, NKS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Trục